ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2451 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 16 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường đoạn Km53+00 - Km61+00 QL.3B, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-CĐBVN ngày 24/02/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa năm 2025 (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của UBND tỉnh về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho Sở Xây dựng kinh phí chi các hoạt động kinh tế đường bộ từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh Lạng Sơn;

Theo nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 289/TTr-SXD ngày 12/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường đoạn Km53+00 - Km61+00, QL.3B, tỉnh Lạng Sơn, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường đoạn Km53+00 - Km61+00, QL.3B, tỉnh Lạng Sơn.

2. Địa điểm xây dựng: đoạn từ Km53+00-Km61+600 trên tuyến Quốc lộ 3B, thuộc địa phận xã Tân Tiến, tỉnh Lạng Sơn.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Thương mại Minh Vân.

6. Loại, nhóm dự án, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Dự án nhóm C; loại công trình giao thông, cấp IV; thời gian sử dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và căn cứ pháp lý khác có liên quan.

7. Mục tiêu của dự án: đầu tư xây dựng sửa chữa công trình nhằm xử lý các hư hỏng, bảo vệ, tăng tuổi thọ kết cấu công trình, nâng cao năng lực khai thác và đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Quy mô: trên cơ sở nền đường hiện trạng rộng 7,5m - 8,5m, mặt đường láng nhựa rộng trung bình 3,5m, tiến hành:

- Mở rộng mặt đường đảm bảo chiều rộng mặt đường tối thiểu 5,5m (chưa tính mở rộng trong đường cong).

- Sửa chữa hư hỏng cục bộ mặt đường bị lún nứt, bong bật, ổ gà và trồi lún cao su.

- Kết cấu mặt đường: toàn bộ phần mặt đường sau khi mở rộng và sửa chữa hư hỏng cục bộ như trên, tiến hành bù vênh mui luyện trên đường cũ và rải lớp đá dăm nước dày trung bình 12cm, láng nhựa 01 lớp, tiêu chuẩn 1,6kg/m^2, sau đó thảm tăng cường bằng bê tông nhựa chặt 16 dày 5cm.

- Sửa chữa và bổ sung hệ thống thoát nước.

- Sửa chữa và bổ sung hệ thống an toàn giao thông trên đoạn tuyến để bảo đảm an toàn giao thông, đồng thời nâng cao hiệu quả khai thác và tuổi thọ của tuyến đường.

8.2. Giải pháp thiết kế

a. Kết cấu sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường:

- Sửa chữa hư hỏng mặt đường bị lún nứt, nứt vỡ mặt, bong bật, ổ gà - phạm vi xử lý rộng áp dụng kết cấu sửa chữa 1 (SC1): tiến hành đào bỏ lớp kết cấu bị hư hỏng chiều sâu 12cm; hoàn trả lớp kết cấu mặt đường cũ bằng đá dăm nước lớp trên dày 12cm; tổng diện tích sửa chữa theo kết cấu SC1 là 4.532,25m^2.

- Sửa chữa hư hỏng tại các vị trí mặt đường bị lún lõm cao su, trồi lún nặng, nứt vỡ hỏng kết cấu áp dụng kết cấu sửa chữa 2 (SC2): tiến hành đào bỏ toàn bộ phần nền mặt đường bị hư hỏng có chiều dày trung bình 60cm sau đó hoàn trả bằng kết cấu tính từ dưới lên gồm: lớp vật liệu đầm chặt K98 dày 30cm (tận dụng vật liệu đào mặt đường cũ); lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 30cm (Chia làm 2 lớp thi công, mỗi lớp dày 15cm); tổng diện tích sửa chữa theo kết cấu SC2 là 969,94m^2.

b. Kết cấu cạp mở rộng mặt đường (kết cấu 2-KC2): mặt đường hiện trạng rộng trung bình 3,5m được mở rộng mỗi bên trung bình 1,0m đảm bảo mặt đường rộng tối thiểu 5,5m (chưa tính độ mở rộng trong đường cong). Kết cấu từ dưới lên trên như sau: tiến hành đào móng, xáo xới, lu lèn nền đường dày 30cm, đảm bảo độ chặt K≥0,98; lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 30cm (chia làm 2 lớp thi công, mỗi lớp dày 15cm); lớp đá dăm nước dày 12cm; láng nhựa 1 lớp tiêu chuẩn nhựa 1,6kg/m^2; vệ sinh, tưới dính bám bằng nhũ tương CRS-1 tiêu chuẩn 0,5kg/m^2; thảm bê tông nhựa chặt 16 dày 5cm; tổng diện tích mặt đường cạp mở rộng (KC2) là 18.263,92m^2.

c. Thảm tăng cường trên mặt đường cũ (kết cấu 1-KC1): trên toàn bộ mặt đường sau khi đã sửa chữa hư hỏng cục bộ như trên, thi công lớp tăng cường mặt đường bằng đá dăm nước dày 12cm (kết hợp bù vênh mặt đường cũ bằng đá dăm nước); láng nhựa 1 lớp tiêu chuẩn nhựa 1,6kg/m^2; vệ sinh, tưới dính bám bằng nhũ tương CRS-1 tiêu chuẩn 0,5kg/m^2; thảm bê tông nhựa chặt 16 dày 5cm; tổng diện tích thảm tăng cường trên mặt đường cũ (KC1) là 33.435,75 m^2.

d. Vuốt nối đường ngang:

- Đối với đường ngang là đường bê tông xi măng:

+ Kết cấu tăng cường trên đường cũ từ dưới lên trên gồm: lớp đá dăm nước dày 12cm (kết hợp bù vênh mặt đường cũ bằng đá dăm nước); láng nhựa 1 lớp tiêu chuẩn nhựa 1,6kg/m^2; vệ sinh, tưới dính bám bằng nhũ tương CRS-1 tiêu chuẩn 0,5kg/m^2; thảm bê tông nhựa chặt 16 dày 5cm; tổng diện tích vuốt nối đường ngang bằng kết cấu tăng cường trên đường cũ (KC1) là 242,34 m^2.

+ Kết cấu mở rộng từ dưới lên trên gồm: tiến hành đào móng, xáo xới, lu lèn nền đường dày 30cm đảm bảo độ chặt K≥0,98; lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 30cm (chia làm 2 lớp thi công, mỗi lớp dày 15cm); lớp đá dăm nước dày 12cm; láng nhựa 1 lớp tiêu chuẩn nhựa 1,6kg/m^2; vệ sinh, tưới dính bám bằng nhũ tương CRS-1 tiêu chuẩn 0,5kg/m^2; thảm bê tông nhựa chặt 16 dày 5cm; tổng diện tích vuốt nối đường ngang bằng kết cấu cạp mở rộng mặt đường (KC2) là 8,6 m^2.

- Đối với đường ngang dân sinh là đường đất: tận dụng vật liệu cào bóc để vuốt nối.

e. Lề đường:

- Lề gia cố (kết cấu 3-KC3): từ mép đường đến mép thành rãnh hình thang gia cố được gia cố lề bằng bê tông xi măng, kết cấu như sau: bê tông xi măng M200 đá 2x4 dày 20cm; lớp nilon tạo phẳng; lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 10cm; tổng diện tích lề gia cố (KC3) là 1.365,01m^2.

- Lề đất mỗi bên rộng 50cm: đắp lề bằng đất đầm chặt K≥0,95.

f. Hệ thống thoát nước:

- Bổ sung rãnh thoát nước hình thang gia cố:

+ Một số đoạn rãnh đất hình thang bị vùi lấp sẽ được cải tạo gia cố bằng rãnh bê tông xi măng. Đáy rãnh bằng bê tông xi măng mác 200, đá 1x2 đổ tại

chỗ, thành lắp ghép bằng bê tông xi măng mác 200, đá 1x2 đúc sẵn, kích thước tiết diện lòng rãnh (40x40x120)cm. Tại các vị trí cổng vào nhà dân và qua đường ngang thiết kế tấm đan bê tông cốt thép mác 250, đá 1x2 đúc sẵn.

+ Tổng chiều dài rãnh hình thang gia cố 1.243,00m.

- Sửa chữa rãnh hình thang bê tông xi măng lắp ghép:

+ Khi cải tạo tôn cao mặt đường sẽ thiết kế nâng cao thành rãnh hình thang lắp ghép phía đường bằng bê tông xi măng M200 đá 1x2 cho phù hợp với cao độ mặt đường;

+ Tổng chiều dài nâng rãnh hình thang gia cố 835m.

- Sửa chữa, bổ sung cống thoát nước ngang đường:

+ Một số vị trí khi tôn cao mặt đường sẽ phải nâng cao tường đầu cống cho phù hợp với cao độ mặt đường. Kết cấu nâng cao tường đầu bằng bê tông cốt thép M200 đá 1x2. Khoan cắm neo thép Φ10 liên kết giữa tường đầu cũ và mới. Tổng số cống nâng cao tường đầu là: 04 vị trí;

+ Bổ sung thêm cống thoát nước ngang đường tại Km56+198,76 thoát nước từ phải qua trái. Cống tròn có khẩu độ D=1m, dài L=8m. Ống cống bằng bê tông cốt thép M300 đá 1x2 đúc sẵn, lắp ghép. Đầu cống bên phải là hố thu nước, đầu cống bên trái là tường cánh. Móng cống, tường đầu, tường cánh, sân cống, hố thu bằng bê tông xi măng M200.

g. Hệ thống an toàn giao thông:

** Vạch sơn kẻ đường:*

- Vạch phân chia các làn xe ngược chiều (vạch 1.1) với tổng diện tích là 429,9m^2; quy cách vạch sơn: vạch đơn, nét đứt bằng sơn phản quang nhiệt dẻo màu vàng dày 3mm, bề rộng vạch b=15cm, chiều dài đoạn nét liền L1=1m, chiều dài đoạn nét đứt L2=2m.

- Vạch sơn giảm tốc bố trí theo dạng rải đều với tổng diện tích là 83,6m^2; quy cách vạch sơn: sơn giảm tốc bằng sơn phản quang nhiệt dẻo màu vàng bố trí dạng rải đều trong những đoạn đường có tầm quan sát bị hạn chế, đường cong nguy hiểm, dốc dọc lớn gây mất an toàn giao thông với khoảng cách 5m/vạch, bề rộng vạch 20cm, chiều dày 4mm.

** Đinh phản quang:* lắp đặt đinh phản quang tại tim đường với tổng số là 1.242 cái; khoảng cách giữa các đinh trên đường thẳng và trong đường cong có bán kính R≥350m: 12m/đinh; trong đường cong có bán kính R<350: 6m/đinh và không được nhô cao hơn mặt đường >2,5cm, phù hợp với TCVN 12584:2019.

** Biển báo:*

- Tận dụng biển báo trên tuyến còn tốt, sơn lại các biển báo bị hoen gỉ. Di chuyển 5 biển báo nằm trong phạm vi mở rộng mặt đường đảm bảo phù hợp theo QCVN 41:2024/BGTVT.

- Vệ sinh, đánh gỉ, dán lại 33 cột biển báo bằng màng phản quang Seri 3M-3900 (Loại IV). Màng phản quang 2 màu trắng đỏ theo QCVN

41:2024/BGTVT.

** Hệ thống cột Km, cọc H, cọc tiêu:*

- Tận dụng cột Km, cọc H, cọc tiêu còn tốt; đồng thời di chuyển 542 cọc tiêu nằm trong phạm vi mở rộng mặt đường. Thay mới các cọc tiêu, cọc H bị hư hỏng phù hợp với QCVN 41:2024/BGTVT.

- Tổng số cọc H thay mới là 4 cọc; quy cách: cọc H bằng bê tông cốt thép M200 đá 1x2 đúc sẵn kích thước 0,2x0,2x1,0m, móng bê tông mác 150 đá 2x4 sâu 45cm vuông 40x40cm.

- Tổng số cọc tiêu thay mới là 17 cọc; quy cách: bằng bê tông cốt thép M200 đá 1x2 kích thước 0,15x0,15x1,10m, móng bê tông mác 150 đá 2x4 sâu 45cm vuông 40x40cm.

** Hộ lan mềm:* tận dụng hộ lan hiện trạng, chỉ di chuyển các đoạn hộ lan với tổng chiều dài là 290,35m nằm trong phạm vi mở rộng mặt đường đảm bảo khoảng cách phù hợp với QCVN 41:2024/BGTVT.

h. Công trình trên tuyến: tận dụng các công trình còn tốt trên tuyến.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1.	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
2.	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
3.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11/2008/BTNMT
4.	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
5.	Quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	TT-BTNMT/6-2009
6.	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô	TCVN 4054:2005
7.	Bitum - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7493:2005
8.	Nhũ tương nhựa đường a xít - Phần 1, phần 3, phần 4, phần 10;	TCVN8817:2011
9.	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
10.	Thiết kế bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
11.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép	TCVN 9115:2019

12.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp bê tông nhựa nóng –Yêu cầu thi công và nghiệm thu - Phần 1 BTN chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567-1:2022
13.	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
14.	Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 14182:2024
15.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
16.	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	22 TCN 11-06
17.	Tiêu chuẩn cơ sở gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế	TCCS 34:2020/TCĐBVN
18.	Áo đường mềm - Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế theo chỉ số kết cấu (SN)	TCCS 37:2022/TCĐBVN
19.	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
20.	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN
21.	Mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011
22.	Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
23.	Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước - thi công nghiệm thu	TCVN 9504:2012
24.	Mặt đường láng nhũ tương nhựa đường axit - thi công và nghiệm thu	TCVN 9505:2012
25.	Sơn tín hiệu giao thông - vật liệu kẻ đường phản quang dẻo nhiệt - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu	TCVN 8791:2011

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 33.000.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 29.341.888.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 543.586.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.541.672.000 đồng;
- Chi phí khác: 363.308.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 1.209.546.000 đồng;

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2026.

12. Nguồn vốn đầu tư: Sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (Ngân

sách nhà nước).

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Sở Xây dựng tổ chức thực hiện các bước tiếp theo, theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu VI và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- C, PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(CVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Đinh Hữu Học